

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp
để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh¹, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 6/8/2025 Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở kết quả thẩm tra bước đầu của Ban Kinh tế Ngân sách, thực hiện Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 07/8/2025, UBND tỉnh đã tiếp thu, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, cân đối nguồn lực và hoàn thiện lại Dự thảo Nghị quyết, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15;
- Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, cụ thể:

¹ - Văn bản số 129/KH-HĐND ngày 28/5/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó có đưa nội dung Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị vào chương trình kỳ họp thường lệ giữa năm 2025;

- Văn bản số 68/TTHĐND-VP ngày 12/5/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Văn bản số 44/TTHĐND-VP ngày 30/7/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị về việc cho ý kiến đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Tại khoản 3, Điều 9, Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định:

“Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.

b) Mức hỗ trợ cao hơn so với quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này cho từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối nhưng không vượt quá 1,5 lần.

c) Mức hỗ trợ đối với loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi và sản xuất muối khác chưa được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này.

d) Hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

đ) Sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại điểm c, d khoản này và phần chênh lệch vượt quá mức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định này”.

Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, UBND tỉnh trình cụ thể như sau:

- Dự thảo Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 3, Điều 9, Nghị định số 09/2025/NĐ-CP.

- Đối với các quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP: Không quy định tại Dự thảo Nghị quyết này, lý do:

+ Đối với điểm b, d khoản 3, Điều 9: Nguồn ngân sách thực hiện các quy định này là ngân sách địa phương (điểm đ Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP). Trong khi ngân sách địa phương còn hạn chế, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cần thiết khác nên khả năng cân đối ngân sách còn khó khăn². Ngoài ra, mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định

² Công văn số 1219/STC-NS ngày 07/8/2025 của Sở Tài chính về góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ✓

09/2025/NĐ-CP đã tăng cao hơn so với quy định cũ tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

+ Đối với điểm c, khoản 3 Điều 9: Dự thảo Nghị quyết không đề xuất mức hỗ trợ đối với loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi khác chưa được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP: Lý do đối tượng hỗ trợ theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP đã cơ bản đầy đủ các đối tượng chính về cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Tỉnh Quảng Trị thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Trong giai đoạn 2020 - 2024, đặc biệt là mưa lũ lịch sử năm 2020, mưa lũ trái vụ năm 2022 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ). Nhờ sự hỗ trợ kịp thời từ ngân sách Trung ương và địa phương với tổng kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất cho hai tỉnh (Quảng Trị và Quảng Bình cũ) theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP là 218,585 tỷ đồng đã góp phần giúp người dân nhanh chóng ổn định và phát triển sản xuất sau thiên tai, cụ thể:

- Tỉnh Quảng Trị (cũ) hỗ trợ 149,914 tỷ đồng (Trung ương: 104,94 tỷ; địa phương: 44,974 tỷ), gồm: Năm 2020: 119,065 tỷ đồng theo Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 29/9/2022; Năm 2022: 27,782 tỷ đồng theo Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Năm 2023: 3,067 tỷ đồng theo Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 29/11/2023; Năm 2024: Đang hoàn thiện hồ sơ.

- Tỉnh Quảng Bình (cũ) hỗ trợ 68,601 tỷ đồng (Trung ương: 57,846 tỷ; địa phương: 10,755 tỷ), gồm: Năm 2020: 60,947 tỷ đồng theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 23/3/2022; Năm 2022: 7,654 tỷ đồng theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 06/02/2023.

Năm 2025, bão số 1 đã gây thiệt hại rất lớn đối với sản xuất đầu vụ Hè thu, ước tổng thiệt hại về sản xuất nông nghiệp khoảng 798 tỷ đồng (trong đó Quảng Bình (cũ) ước khoảng 308 tỷ đồng, Quảng Trị (cũ) ước khoảng 490 tỷ đồng).

Đến thời điểm hiện tại, thiệt hại do thiên tai cuối năm 2024 và bão số 1 năm 2025 trên địa bàn chưa được hỗ trợ do chưa có Nghị quyết được ban hành (theo quy định tại Điều 11 Nghị định 09/2025/NĐ-CP: *“Thiệt hại do thiên tai xảy ra từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 chưa được nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định này”*)

Căn cứ tình hình thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hoá mức hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, phù hợp với thực tiễn sản xuất trên địa bàn, kịp thời giúp người dân sớm khôi phục sản xuất sau khi bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh thực vật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với quy định hiện hành, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình (cũ)³, UBND tỉnh hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ) đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường hai tỉnh thực hiện xây dựng các Dự thảo Nghị quyết theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

+ Đối với tỉnh Quảng Trị (cũ): Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị (cũ) đã hoàn thiện toàn bộ hồ sơ theo đúng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp), gửi UBND tỉnh Quảng Trị (cũ). UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã có Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 09/6/2025 gửi HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ). Tuy nhiên, do thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh nên UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) thống nhất đề nghị HĐND tỉnh dừng lại để ban hành toàn diện trên địa bàn tỉnh mới.

+ Đối với tỉnh Quảng Bình (cũ): Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình (cũ) đã có văn bản gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương tại Văn bản số 1741/SNNMT-KHTH ngày 11/6/2025 và tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

- Trên cơ sở dự thảo Nghị quyết của 02 tỉnh cũ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị (mới) đã rà soát, tích hợp và hoàn thiện lại hồ sơ Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và tổng hợp, hoàn thiện dự thảo.

³ - Văn bản số 129/KH-HĐND ngày 28/5/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021-2026;

- Văn bản số 68/TTHĐND-VP ngày 12/5/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Đăng tải toàn bộ nội dung các dự thảo lên Chuyên mục: “Lấy ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” trên Cổng thông tin điện tử (Trung tâm Điều hành thông tin) của Ủy ban nhân dân tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Đến nay không có ý kiến nào tham gia đối với dự thảo Nghị quyết.

- Tổng hợp, báo cáo, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào dự thảo Nghị quyết “Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” theo đúng quy định.

- Xét thấy đây là nhiệm vụ cấp bách để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn khi sáp nhập tỉnh và trong điều kiện mùa mưa bão năm 2025 chuẩn bị bắt đầu, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 23/7/2025 đề xuất Thường trực HĐND tỉnh cho áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Thường trực HĐND tỉnh đã đồng ý tại Công văn số 44/TTHĐND-VP ngày 30/7/2025.

- Hoàn chỉnh hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; Tiếp thu, hoàn thiện ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của nghị quyết

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra tại Quảng Trị.

1.3. Đối tượng hỗ trợ

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng

Trị kèm theo Nghị quyết gồm: 8 Điều.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

Điều 5. Quy định mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật (có phụ lục kèm theo).

(Quy định mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trong Dự thảo Nghị quyết cơ bản bám sát và không vượt mức quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP; trong đó mức hỗ trợ đối với cây trồng, lâm nghiệp tương đương với các mức đã được quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP, riêng mức hỗ trợ đối với thủy sản và vật nuôi quy định chi tiết hơn để phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất trên địa bàn tỉnh và giá trị của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng).

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách trung ương;
2. Ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(Đối với phần tổ chức thực hiện Nghị quyết, tại Dự thảo Nghị quyết này chỉ quy định chung cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trách nhiệm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ, đề xuất kinh phí cụ thể đã được quy định tại Điều 6 và Điều 9 Nghị định 09/2025/NĐ-CP, hiện nay, đã được phân cấp cụ thể tại khoản 5, 6 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP cho phù hợp với chính quyền 02 cấp).

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ

hợp thứ 2 thông qua ngày ...tháng... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP, cơ cấu nguồn ngân sách hỗ trợ là: ngân sách Trung ương hỗ trợ 80%, ngân sách tỉnh 20%). Đồng thời tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP có quy định “*Trường hợp phân ngân sách địa phương đảm bảo tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này vượt quá nguồn lực của địa phương gồm: các nguồn tài chính hợp pháp khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, 50% dự toán dự phòng ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm và 70% số dư đầu năm Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh thì ngân sách trung ương sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch để các tỉnh, thành phố có đủ nguồn lực để thực hiện*”.

Trên thực tế, những năm trước đây, nhất là trong giai đoạn 2020-2024, khi có thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, UBND tỉnh đã báo cáo, đề xuất và Trung ương đều có hỗ trợ, kết hợp nguồn ngân sách địa phương (từ nguồn ngân sách nhà nước, dự phòng và nguồn huy động hợp pháp khác), tỉnh đã kịp thời bố trí kinh phí để hỗ trợ cho người dân khôi phục sản xuất, cơ cấu ngân sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP theo ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách địa phương hỗ trợ 30%.

Do vậy, về nguồn lực thực hiện Nghị quyết là có khả thi.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia của các đơn vị, địa phương; (4) Báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) bản chụp các ý kiến tham gia).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(LCT). ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

Phụ lục
NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI TƯỢNG BỊ THIẾT HẠI
DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT

(Kèm theo Tờ trình số *455* Tr-Tr-UBND ngày *11*/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
I	Đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	(Đồng/ha)
1	Diện tích lúa	
1.1	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
1.2	Sau gieo trồng trên 10 đến 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
1.3	Sau gieo trồng trên 45 ngày	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
2	Diện tích mạ	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
3	Diện tích cây hằng năm khác	
3.1	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
3.2	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
3.3	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3	Diện tích cây trồng lâu năm	
4.1	<i>Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	12.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	6.000.000
4.2	<i>Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
4.3	<i>Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
4.4	<i>Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
II	Đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	(Đồng/ha)
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
2	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000
3	Diện tích vườn giống, rừng giống	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
4	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	(Đồng/ha)
4.1	<i>Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	40.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	20.000.000
4.2	<i>Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi</i>	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
III	Đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)	
1	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	60.000.000 (đồng/ha)
2	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè ($100m^3$ thể tích nuôi bị thiệt hại)	30.000.000 (đồng/ $100m^3$)
	Trong đó: Đối với nuôi Hàu bằng bè	9.000.000 (đồng/ $100m^3$)
3	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	15.000.000 (đồng/ha)
IV	Đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)	(Đồng/ha)
1	Diện tích sản xuất muối	
a)	Thiệt hại trên 70% diện tích	4.000.000
b)	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
V	Đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai	(Đồng/con)
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu)	
a)	Từ 01 ngày tuổi đến 15 ngày tuổi	15.000
b)	Trên 15 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	30.000
c)	Trên 28 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi	35.000
d)	Trên 45 ngày tuổi	45.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
2	Chim cút	
a)	Từ 01 ngày tuổi đến 15 ngày tuổi	3.000
b)	Trên 15 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	5.000
c)	Trên 28 ngày tuổi đến 40 ngày tuổi	8.000
d)	Trên 40 ngày tuổi	10.000
3	Lợn	
a)	Từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	600.000
b)	Trên 28 ngày tuổi đến 60 ngày tuổi	1.000.000
c)	Trên 60 ngày tuổi	1.500.000
d)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	3.000.000
4	Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi	3.000.000
5	Bò sữa	
a)	Từ 06 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi	6.000.000
b)	Trên 12 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi	8.000.000
c)	Trên 18 tháng tuổi	12.000.000
6	Trâu, bò thịt, ngựa	
a)	Từ 01 ngày tuổi đến 06 tháng tuổi	2.000.000
b)	Trên 06 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi	4.000.000
c)	Trên 12 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi	5.500.000
d)	Trên 18 tháng tuổi	7.000.000
7	Hươu sao, đà điểu	2.500.000
8	Cừu, dê	1.000.000
9	Thỏ	
a)	Từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	40.000
b)	Trên 28 ngày tuổi đến 60 ngày tuổi	60.000
c)	Trên 60 ngày tuổi	70.000
9	Ong mật (đàn)	500.000 (Đồng/đàn)